Ký bởi: Trung tâm Thông tin
Email: ttth@moc.gov.vn
Cơ quan: Bộ Xây dựng
Thời gian ký: 20.06.2019 08:38:26 +07:00

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 742/GCN-BXD

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2019

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và kiểm định 584 ngày 07 tháng 5 năm 2019,

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và kiểm định 584

Địa chỉ: 635, đường 30/4, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

Mã số thuế: 1800664001

Tên phòng thí nghiệm: Trung tâm thí nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng công trình

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: 635, đường 30/4, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 584**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế Quyết định số: 28/QĐ-BXD ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng./.

Nơi nhận:
- Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và kiểm định 584;
- Sở XD Tp. Cần Thơ;
- TT thông tin (*Website*);
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 584

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
Số: 742/GCN-BXD, ngày 20 tháng 6 năm 2019)

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1	Độ mịn, khối lượng riêng, khối lượng thể tích của xi măng	TCVN 4030:2003
2	Xi măng – phương pháp thử - xác định cường độ	TCVN 6016:2011
3	XĐ độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết & độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
4	Xác định độ bền nén bằng phương pháp nhanh	TCVN 3736:1982
	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
5	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:93
6	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:93
7	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:93
8	Xác định độ mài mòn của bê tông	TCVN 3114:93
9	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:93
10	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:93
11	Phương pháp xác định độ co	TCVN 3117:93
12	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:93
13	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bửa	TCVN 3120:93
14	Xác định cường độ lăng trụ và môđun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:93
15	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCXDVN 376:06
16	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông	Số: 778/98/QĐ-BXD ngày 5/9/98
17	Xác định cường độ lăng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:93
	THÍ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA	
18	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006
19	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006
20	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
21	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN:7572-5:2006
22	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ rỗng	TCVN 7572-6:2006
23	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
24	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
25	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572:9:2006
26	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
27	Xác định nén dập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
28	XĐ độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006
29	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
30	Xác định hàm lượng hạt yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006
31	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
32	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
	THÍ NGHIỆM ĐẤT TRONG PHÒNG	
33	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
34	Xác định độ ẩm và độ hút nước	TCVN 4196:2012
35	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
36	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
37	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2014

38	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
39	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012
40	Xác định khối lượng thể tích (Dung trọng)	TCVN 4202:2012
41	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)–trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:2006
42	Đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22TCN 333:2006
43	Xác định hệ số thấm K	ASTM D2434:00;TCVN 8723:12
44	XĐ các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU; CU; CD; CV)	ASTM D2850:95;TCVN 8868:11
45	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166:01 ;AASHTO T209
46	Xác định hàm lượng chất hữa cơ của đất	TCVN 8726:12;AASHTO T267:91
47	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:12
48	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:12
49	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:12
50	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:12
51	Xác định hệ số đương lượng cát	AASHTO T176:93
	THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG	
52	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai	22TCN 02-71
53	Độ ẩm;Khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22TCN 346:06
54	Xác định độ bằng phẳng mặt của mặt đường bằng thước 3m.	TCVN 8864:2011
55	Phương pháp thử nghiệm xác định môdul đàn hồi E nền, mặt đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861-2011
56	Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Benkelman	TCVN 8867:2011
57	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát.	TCVN 8866:2011
58	Cọc–PP thử nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
59	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nẩy	TCVN 9334:2012
60	Kiểm tra điện trở bộ phận nối đất	TCVN 9385:2012
61	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy so siêu âm và súng bật nẩy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012
62	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy so siêu âm và súng bật nẩy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012
63	Trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9398:2012
64	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT)	TCVN 9352:2012
65	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012
66	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường	22TCN 355:2006
67	Kiểm tra điện trở bộ phận nối đất	TCVN 9385:2012
68	Đo chiều dày lớp phủ nhúng nóng	TCVN 5408:2007
69	Gia cố đất nền yếu bằng phương pháp trụ đất xi măng	TCVN 9403:2012
	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
70	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:03
71	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:03
72	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:03
73	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:03
74	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:03
75	Xác định cường độ uốn và nén của mẫu vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:03
76	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:03
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY	
77	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6335–1:2009
78	Xác định cường độ nén	TCVN 6335–2:2009
79	xác định cường độ uốn	TCVN 6335–3:2009
80	Xác định độ hút nước	TCVN 6335–4:2009
81	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6335–5:2009

	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
82	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476 : 1999
83	Xác định: cường độ nén, độ hút nước	TCVN 6476 : 1999
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG	
84	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:16
85	Xác định: cường độ nén, độ hút nước	TCVN 6477:16
	THỬ NGHIỆM THÉP XÂY DỰNG	
86	Vật liệu kim loại – Thử kéo – phần 1: PP thử ở nhiệt độ phòng	TCVN 197-1:2014
87	Vật liệu kim loại – Thử uốn	TCVN 198:2008
88	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử uốn	TCVN 5401:2010
89	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:10;AASHTO T244-90
90	Kiểm tra không phá hủy mối hàn – phương pháp siêu âm	TCVN 6735:00
91	Kiểm tra chất lượng hàn ống- Thử nén dẹt	TCVN 5402:1991
92	Thử nghiệm dây cáp thép, hệ thống neo và cáp dự ứng lực	TCVN 6284:97; 22 TCN 267:00 ASTM A416; ASTM A370
93	Thí nghiệm bu lông, ốc đai, ốc vít, vật liệu bu lông	TCVN 197-1:14; TCVN 198 :08 TCVN 1916:95; ASTM A370 AASHTO T68
94	Thí nghiệm mối nối bằng ống ren, cóc nối thép, tăng đơ, ống thép, thép bản, thép hình, thép lưới, nhôm, tôn lợp mái	TCVN 197:14; TCVN 198 : 2008 TCVN 1916:95, TCVN 8163:09 TCVN 5709 - 2009
95	Cốt thép- Phương pháp uốn và uốn lại	TCXD 224:1998
	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	
96	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
97	XĐ hàm lượng nhựa bằng PP chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011
98	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
99	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
100	XĐ tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
101	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
102	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
103	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
104	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
105	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
106	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
107	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
108	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng – thiết kế theo PP Marshall	TCVN 8820:2011
	THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM	
109	Phương pháp xác định độ kim lún	TCVN 7495:05;(ASTM D5-97)
110	Phương pháp xác định độ kéo dài	TCVN 7496:05;(ASTM D113-99)
111	Phương pháp xác định điểm hoá mềm (dụng cụ vòng-và-bi)	TCVN 7497:05;(ASTM D 36-00)
112	Phương pháp xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:2005 (ASTM D 92-02b)
113	Phương pháp xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:05;(ASTM D 6-00)
114	Xác định nhựa hòa tan trong tricloretylen	TCVN 7500:2005
115	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 7501:2005
116	Xác định hàm lượng Parafin bằng phường pháp chưng cất.	TCVN 7503:2005
117	Phương pháp xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BTN	
118	Hình dạng bên ngoài; Thành phần hạt; Lượng mất khi nung	22TCN58:1984
119	Khối lượng riêng của bột khoáng; Hàm lượng nước	22TCN58:1984

120	Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất	22TCN58:1984
121	Hàm lượng chất hòa tan trong nước; Hệ số háo nước	22TCN58:1984
122	Khối lượng riêng của hỗn hợp bột khóang và nhựa đường	22TCN58:1984
123	Khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN58:1984
124	Độ trương nở của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22TCN58:1984
	THỬ NGHIỆM ĐẤT, ĐÁ GIA CỐ CHẤT KẾT DÍNH	
125	Cường độ kháng ép	TCVN 10379:14; TCVN 8858:11
126	Cường độ ép chẻ	TCVN 8862:11
127	Mô đun đàn hồi	TCVN 8943:13
128	Độ ổn định nước sau 5 chu kỳ - sấy	22TCN 59:1984
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN	
129	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6065:1995
130	Xác định: độ mài mòn, độ hút nước, lực xung kích;Lực uốn gãy	TCVN 6065:1995
131	Xác định độ cứng lớp mặt	TCVN 6065:1995
132	Thử cơ lý gạch lát Granito	TCVN 6074:1995
	THỬ NGHIỆM GẠCH TERRAZZO	
133	XĐ kích thước cơ bản; Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; Độ sai lệch về kích thước và hình dạng sản phẩm;XĐ độ hút nước bề mặt	TCVN 7744:2013
134	Xác định độ chịu mài mòn	TCVN 6065:1995
135	Độ bền uốn, MPa	TCVN 6355-2:2009
136	Xác định hệ số ma sát	TCVN 6415-17:2005
	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHẸ - GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHƯNG ÁP (AAC), BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHƯNG ÁP	
137	Sai lệch kích thước, Khuyết tật ngoại quan, Cường độ nén và khối lượng thể tích khô, Độ co khô	TCVN 7959 : 2011 TCVN 9030: 2011
138	Độ vuông góc	TCVN 6415-2:2005
139	Xác định độ thẳng cạnh, độ phẳng mặt	TCVN 7744:2007
140	Độ hút nước	TCVN 3113:1993

Ghi chú (*) – Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.